

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/DS-ST
Ngày 20 tháng 10 năm 2021
*Về việc “Tranh chấp yêu cầu
bồi thường thành quả lao động”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông NGUYỄN VĂN TỐI.

2/ Ông TRẦN TẤN PHÁT.

- Thư ký phiên tòa: Bà VŨ THỊ THÙY TRANG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông NGUYỄN KHÁNH BÌNH - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thành quả lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 561/TB-TA ngày 05 tháng 8 năm 2021; Thông báo về việc mở phiên tòa số: 706/TB-TA ngày 20 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **TRẦN VĂN TR**, sinh năm 1944 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 402, Tổ 8, ấp Tân Xuân, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH T**

Địa chỉ: Số 136, đường THĐ, Phường 7, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

*** Người đại diện theo pháp luật:** Ông **Nguyễn Thanh Ngọc** - Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

(UBND tỉnh T có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt số: 3503/UBND-TD ngày 07/10/2021).

*** Người đại diện hợp pháp của bị đơn (Văn bản ủy quyền số: 3502/UBND-TD ngày 07/10/2021 thay thế văn bản ủy quyền số: 923/UBND-TD ngày 07/5/2020):**

1/ Ông **Kiều Công M** - Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T - (vắng mặt).

2/ Ông **Lương Nguyễn Đăng D** - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - (vắng mặt).

3/ Ông **Nguyễn Bảo C** - Chức vụ: Trưởng Phòng đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - (vắng mặt).

4/ Ông **Trần Văn L** - Chức vụ: Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh T - (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH T

Địa chỉ: Số 331, đường CMT8, Khu phố 7, Phường 7, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

* *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Ngô Thành Đ** - Chức vụ: Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T.

* *Người đại diện hợp pháp (Văn bản ủy quyền số: 4597/UQ-BCH ngày 09/12/2020):* Ông **Trần Văn V** - Chức vụ: Chánh Thanh tra quốc phòng - (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2020 và lời trình bày của ông Trần Văn Tr trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa thể hiện như sau:

Khoảng năm 1990 - 1991 gia đình ông Trần Văn Tr từ quê ở tỉnh Ninh Bình vào khu vực suối Tà Hợp thuộc ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T để lập nghiệp sinh sống. Gia đình ông có mua phần đất khoảng 1,3 ha để cất nhà ở (hiện nay gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), giáp ranh phần đất này có khu vực đất trồng bán ngậ, hiện trạng lúc đó còn nhiều hầm hố, cây tự mọc, gia đình ông và nhiều người khác tự khai phá, san lấp mặt bằng để sử dụng. Ông Tr khai phá sử dụng diện tích khoảng 01 ha đất giáp ranh đất nhà ở của ông. Thời điểm đó, ông biết khu đất trồng này đã được nhà nước giao cho nông trường mía TH, nhưng do đất bán ngậ không canh tác, sản xuất được nên nông trường Tân Hưng bỏ hoang, do đó các hộ dân tự khai phá sử dụng, nông trường TH biết nhưng không ngăn cản hay tranh chấp gì.

Do đất cặp suối thuộc khu vực bán ngậ, mùa mưa bị ngậ nước không canh tác được, chỉ canh tác vào mùa khô. Sau khi khai phá gia đình ông sử dụng một phần diện tích đất phía trên trồng cây hoa màu ngắn ngày và trồng được 4-5 vụ lúa, phần đất phía dưới bỏ trống. Do trồng lúa không có hiệu quả nên sau đó ông móc đất lên đắp bờ bao xung quanh và đắp phía trong khoảng 500 ụ đất hình tròn đường kính khoảng 02m, cao 01m, khoảng cách giữa 02 ụ là 05m dự định trồng cây ăn trái trên các ụ đất này để không bị ngậ nước, việc đắp các ụ đất đến năm 2003 thì hoàn thành. Suốt thời gian ông khai phá sử dụng diện tích khoảng 01 ha đất này, gia đình ông cũng như tất cả các hộ dân sản xuất trên phần đất này đều không nhận được bất cứ thông báo nào của Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã TP liên quan đến phần đất

trên, nông trường TH và chính quyền địa phương cũng không ai ngăn cản. Gia đình ông sử dụng đất từ năm 1991 đến nay, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không kê khai đăng ký và cũng không thực hiện nghĩa vụ tài chính hay đóng thuế cho nhà nước. Khi ông định tiến hành trồng cây ăn trái trên các ụ đất này thì UBND xã TP ngăn cản và cho biết đất sẽ bị nhà nước thu hồi, không được canh tác, chờ giải quyết, nên diện tích đất này bị bỏ trống cho đến nay. Năm 2007 UBND tỉnh T thu hồi diện tích 73.724,1m² đất tại ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T trong đó có diện tích khoảng 01 ha đất ông đã khai phá sử dụng.

Ông Trần Văn Tr khởi kiện yêu cầu UBND tỉnh T là cơ quan thu hồi đất phải có trách nhiệm bồi thường cho ông tiền công sức lao động bứng gốc cây, san lấp mặt bằng, đắp ụ đất mà ông đã bỏ ra trong suốt thời gian dài từ năm 1991 đến năm 2003 để khai phá, cải tạo 01 ha đất tọa lạc tại khu vực suối Tà Hợp thuộc ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T mà UBND tỉnh T đã thu hồi và giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T sử dụng, số tiền yêu cầu bồi thường là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Ông Tr không tranh chấp quyền sử dụng diện tích 01 ha đất này.

Tại Văn bản số: 1051/UBND-TD ngày 20/5/2020 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:

Diện tích khoảng 01 đất tràm nước tại khu vực suối Tà Hợp, ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T mà ông Tr yêu cầu bồi thường thành quả lao động có nguồn gốc là của Nhà nước do UBND tỉnh T quyết định giao cho Xí nghiệp Liên hiệp mía đường tổng hợp tỉnh T quản lý vào năm 1988, đến năm 1989 giao cho nông trường TH sản xuất mía, đến năm 1997 giao lại cho huyện TC quản lý nhưng UBND huyện TC chưa giao đất cho cá nhân, tổ chức để quản lý, sử dụng và khi Nhà nước thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh T quản lý, sử dụng thì hiện trạng là đất đang bị bỏ hoang, đất trống. Vấn đề này ông Tr cũng thừa nhận trong bản tự kê khai về đất đai, nhà cửa, các công trình, cây trái hoa màu và các tài sản khác phải giải tỏa trong khu vực suối Tà Hợp, ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T.

Đất đai là do Nhà nước quản lý, UBND tỉnh T đã có các Quyết định giao cho các đơn vị quản lý liên tục, xuyên suốt từ trước đến nay, Nhà nước cũng không có giao quyền sử dụng đất này cho ông Tr. Ông Tr có nhà ở gần khu vực suối Tà Hợp nên tự ý bao chiếm đất để sử dụng. Việc ông Tr tự ý bao chiếm đất để sản xuất khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là một trong những hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 5 của Luật đất đai năm 1987, Điều 6 của Luật đất đai năm 1993, Điều 15 của Luật đất đai năm 2003, Điều 12 của Luật đất đai năm 2013. Như vậy, ông Tr không có quyền và nghĩa vụ đối với khoảng 01 ha đất nêu trên. Việc ông Tr khởi kiện đòi tiền công khai phá là không có cơ sở và pháp luật cũng không có quy định nào về việc bồi thường này. Do đó UBND tỉnh T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường tiền công khai phá 01 ha đất tràm nước của ông Tr.

Tại văn bản số: 3134/BCH-TTQP ngày 17/8/2020 cũng như lời trình bày của ông Trần Văn V đại diện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T thể hiện:

Diện tích 01 ha đất tại khu vực suối Tà Hợp, ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T mà

ông Tr khởi kiện yêu cầu UBND tỉnh T bồi thường tiền công khai phá nằm trong tổng diện tích đất 73.724,1 m² thuộc hai thửa đất số 893, 901, tờ bản đồ số 6A, tọa lạc tại ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T do UBND tỉnh T đã giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T theo Quyết định số: 2690/QĐ-UBND ngày 28/11/2007 để sử dụng vào mục đích xây dựng trường huấn luyện Tiểu đoàn BB14; Quyết định số: 1685/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của UBND tỉnh T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T đã được cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 021622, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00201, thửa 893, diện tích 43.856,2m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 021623, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00200, thửa 901, diện tích 29.867,9m² cùng ngày 23/8/2011.

Khi UBND tỉnh T thu hồi đất để giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh T sử dụng thì hiện trạng là đất đang bị bỏ hoang, đất trống, không có nhà cửa, công trình, cây trái hoa màu và các tài sản khác phải giải tỏa, di dời, nên không có cơ sở để bồi thường thiệt hại cho ông Tr và những hộ dân khác đã bao chiếm sử dụng đất này. Ông Tr không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quyền sử dụng diện tích đất này, tự ý bao chiếm sử dụng là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật đất đai qua các thời kỳ. Diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh T, đã cắm cọc xác định ranh đất xong nhưng do các hộ dân tự bao chiếm sử dụng, không giao đất, gây cản trở, nên đến nay chưa thực hiện việc xây dựng trường huấn luyện được, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T không hỗ trợ cho ông Tr số tiền nào.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Tr; về án phí và chi phí thẩm định tại chỗ tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người đại diện theo pháp luật của bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Ông Trần Văn Tr cho rằng nguồn gốc đất do gia đình ông khai phá sử dụng, sau đó Nhà nước thu hồi nhưng chưa bồi thường tiền công khai phá của ông trên phần đất này, nên khởi kiện yêu cầu cơ quan thu hồi đất là

UBND tỉnh T bồi thường thành quả lao động đối với diện tích đất đã bị thu hồi, do đó xác định đây là tranh chấp yêu cầu bồi thường thành quả lao động theo quy định tương tự pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thể hiện:

Hiện trạng đất trống, trên đất có các cây đại tự mọc, ông Tr có đắp bờ bao xung quanh phần đất và đắp khoảng 500 ụ đất, cỏ mọc trùm lên các ụ đất nên không đếm được cụ thể, không có công trình xây dựng gắn liền trên đất. Ông Tr không yêu cầu bồi thường đối với cây trồng trên đất.

Xét việc ông Tr yêu cầu UBND tỉnh T là cơ quan thu hồi diện tích đất ông Tr đang sử dụng để giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T, trong đó có khoảng 01 ha đất gia đình sử dụng, ông cho rằng nguồn gốc đất này là do gia đình ông tự khai phá sử dụng từ năm 1991 để trồng lúa và cây ngắn ngày, đến năm 2007 thì ngưng do UBND xã TP có thông báo chờ giải quyết bồi thường của UBND tỉnh T. Nay ông T không yêu cầu UBND tỉnh T bồi thường giá trị quyền sử dụng diện tích đất ông đang sử dụng, chỉ yêu cầu bồi thành quả lao động mà gia đình ông đã bỏ công sức khai hoang, san lấp, đắp các ụ đất trên diện tích đất này, số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), thấy rằng: quá trình giao đất, sử dụng đất trong đó có diện tích 01 ha đất ông Tr yêu cầu bồi thường thành quả lao động, thể hiện như sau:

- Quyết định số: 136/UB-QĐ ngày 16/11/1988 của UBND tỉnh T giao ba nông trường TH, TB, 20/12 cho Xí nghiệp liên hiệp mía đường tổng hợp tỉnh T quản lý.

- Quyết định số: 35/UB-QĐ ngày 03/4/1989 của UBND tỉnh T giao diện tích 2.000 ha đất cho nông trường TH sản xuất mía.

- Quyết định số: 442/1997/QĐ-UB ngày 27/12/1997 của UBND tỉnh T về việc giao diện tích 2.987 ha đất nông nghiệp cho Công ty mía đường TN để lập nông trường sản xuất mía TH.

- Quyết định số: 443/1997/QĐ-UB ngày 27/12/1997 của UBND tỉnh T về việc giao diện tích 542,41 ha đất nông nghiệp cho UBND huyện TC để bố trí cho nhân dân chưa có đất để sản xuất và ổn định lâu dài.

- Quyết định số: 84/QĐ-CT ngày 04/5/1999 của UBND tỉnh T về việc giao diện tích 1.506 ha đất nông nghiệp cho Công ty mía đường TN để lập nông trường mía TH.

- Quyết định số: 176/QĐ-CT ngày 23/7/1999 của UBND tỉnh T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 15.060.000m² cho Công ty mía đường T để lập nông trường mía TH.

- Quyết định số: 2689/QĐ-UBND và 2690/QĐ-UBND cùng ngày 28/11/2007 của UBND tỉnh Tây N thu hồi và giao diện tích 73.724,1m² đất tại ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T để xây dựng trường huấn luyện Tiểu đoàn BB14.

- Quyết định số: 1685/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của UBND tỉnh T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T.

Như vậy, từ năm 1988 đến nay UBND tỉnh T đã liên tục ban hành nhiều Quyết định giao diện tích đất thuộc ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T cho các cơ quan, tổ chức sử dụng, trong đó có khoảng 01 ha đất ông Tr yêu cầu bồi thường thành quả lao động. Bản thân ông Tr cũng thừa nhận ông tự khai phá, san lấp mặt bằng để sử dụng đất, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất.

Từ các tài liệu, chứng cứ thực tế cũng như lời khai của các đương sự thể hiện việc ông Tr khai phá diện tích đất này để sử dụng sau khi nhà nước đã có quyết định giao đất cho nông trường TH sản xuất và sau đó giao lại cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T sử dụng để xây dựng trường huấn luyện, khi ông cải tạo đất để sử dụng không thông báo và cũng không được sự đồng ý của nông trường TH, tự ý lấn chiếm đất mà Nhà nước đã giao cho cơ quan, tổ chức khác để sử dụng hợp pháp là vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố, cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật, đây là những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 5 của Luật đất đai năm 1987, Điều 6 của Luật đất đai năm 1993, Điều 15 của Luật đất đai năm 2003, Điều 12 của Luật đất đai năm 2013.

Luật Đất đai qua các giai đoạn từ năm 1987 đến năm 2013 đều có quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất (nông trường, lâm trường, hợp tác xã, lâm nghiệp, xí nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, hộ gia đình, cá nhân...) sử dụng ổn định, lâu dài. Việc ông Tr sử dụng đất chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, ông tự mớ đất để đắp bờ bao và đắp các ụ đất để trồng cây không thông báo và cũng không có sự đồng ý của chủ sử dụng đất hợp pháp, nên cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất là UBND tỉnh T và chủ sử dụng đất hợp pháp là Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T không có nghĩa vụ phải trả tiền công sức, chi phí mà ông đã bỏ ra để cải tạo, sử dụng trên diện tích đất ông lấn chiếm sử dụng bất hợp pháp, hành vi của ông bị pháp luật nghiêm cấm, nên hậu quả ông phải tự gánh chịu. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông là không có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do ông Trần Văn Tr là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Căn cứ Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Tr phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận ông Tr đã nộp và chi phí xong.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 6, 166, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Luật Đất đai năm 1987 (Điều 12 Luật Đất đai năm 2013); Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 12, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Tr đối với UBND tỉnh T về việc yêu cầu bồi thường thành quả lao động trên diện tích 01 ha đất tọa lạc tại khu vực suối Tà Hợp thuộc ấp TC, xã TP, huyện TC, tỉnh T số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Tr được miễn án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Tr phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận ông Tr đã nộp và chi phí xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THA DS TP. Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).

(Đã ký)

Lê Thị Duyên